CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

FireAnt

CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Ngày 28/06/2024	12,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.1%	**11.0%**	**14.2%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,200 - 12,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	182
Số lượng CPLH (CP)	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,685
Sở hữu nước ngoài	28.7%
Beta	0.56
EPS	1,160
P/E	10.4

DT thuần
Q2/24
86.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 25.0| 40.9%
YoY: ▲ 7.60| 9.7%

LN thuần
Q2/24
3.94
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.00| -43.3%
YoY: ▼2.12| -35.1%

LN sau thuế
Q2/24
3.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.42| -43.8%
YoY: ▼1.94| -38.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
4.5%
YoY: +/-▼ 6.8%

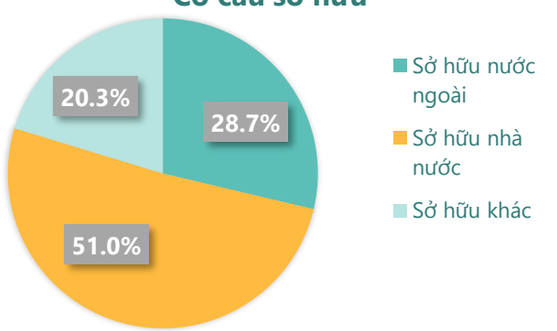
ROE (TTM)
Q2/24
9.7%
YoY: +/-▼ 0.5%

DT thuần
6T 2024
147
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.0| 20.1%

LN thuần
6T 2024
10.9
tỷ VNĐ

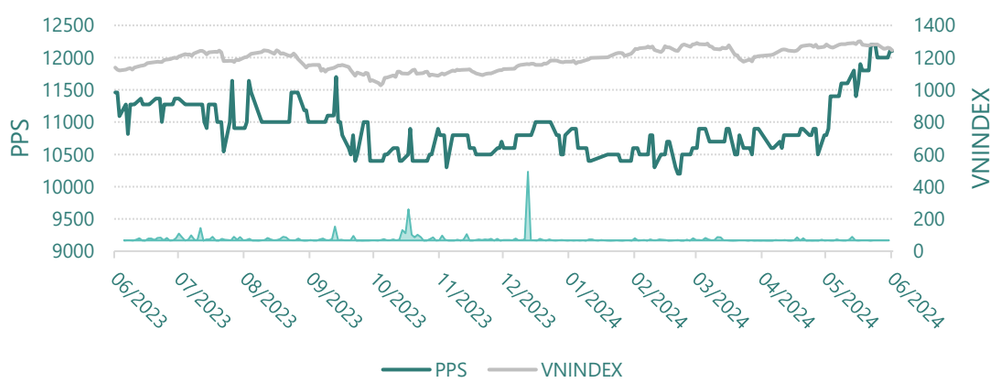
LN sau thuế
6T 2024
8.63
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.31| -3.4%

Cơ cấu sở hữu

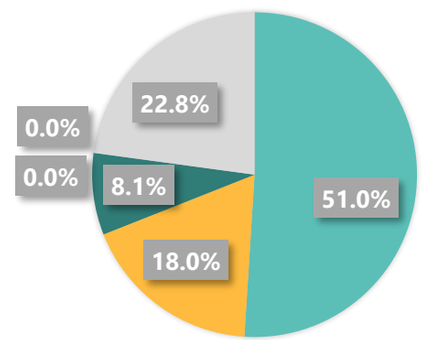


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

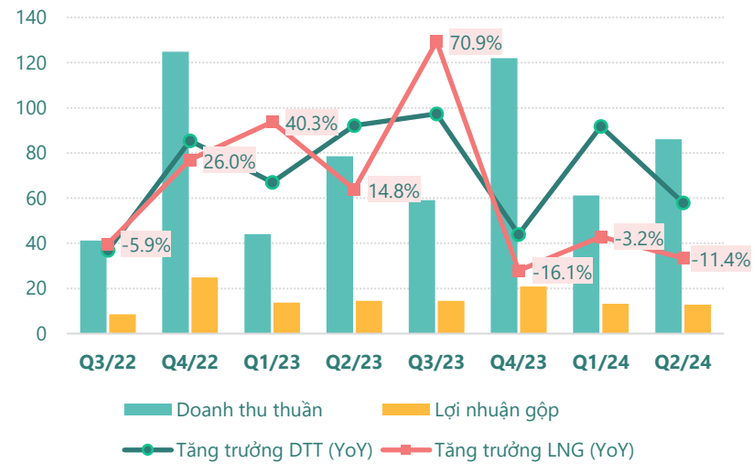


Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
YTL Power Services Sdn.Bhd
America LLC
Lê Văn Tu (Phó Giám đốc)
Phạm Hùng Anh
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

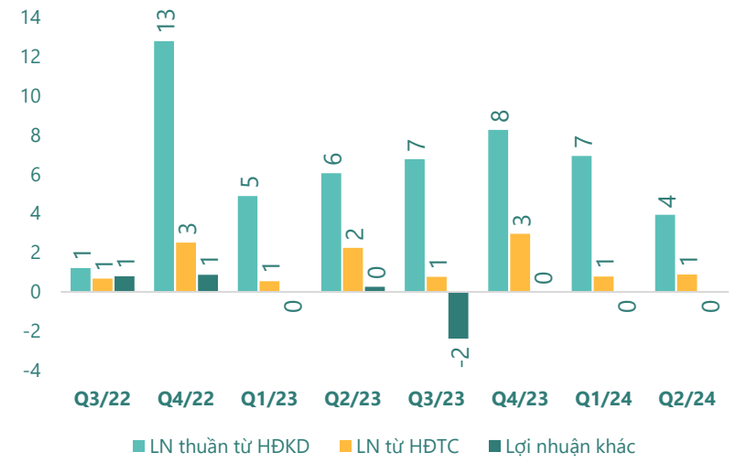
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



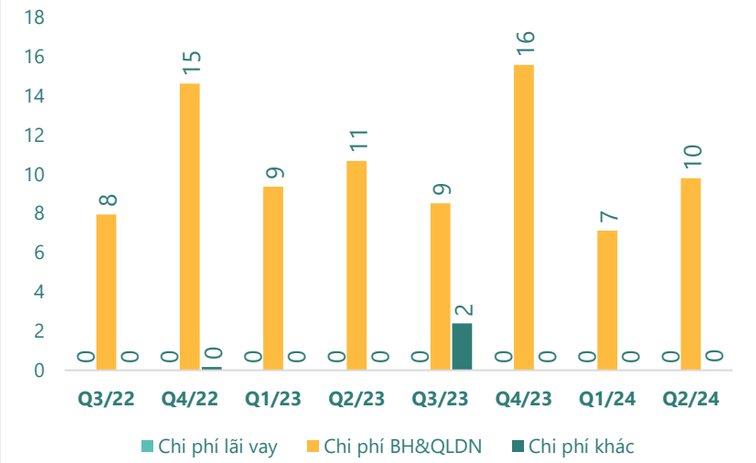
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



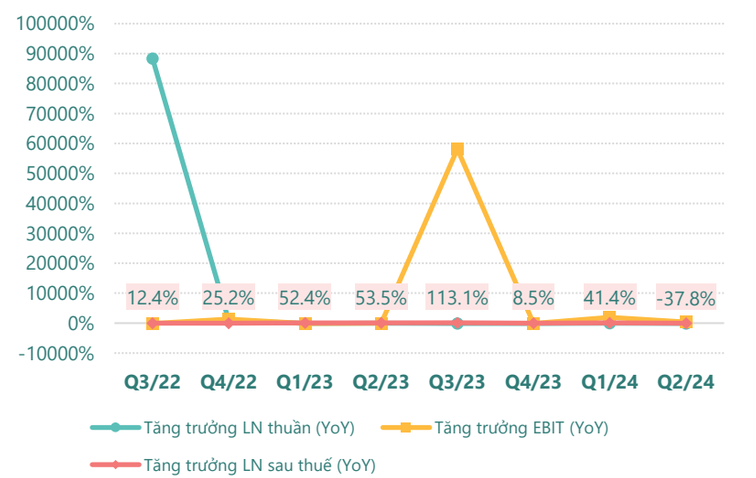
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



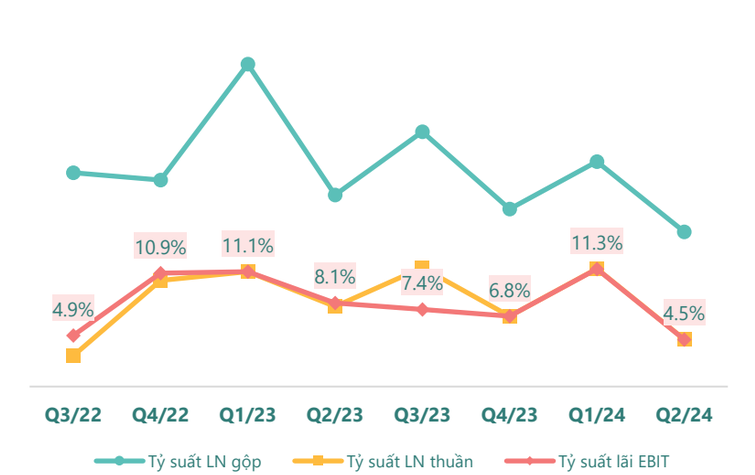
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



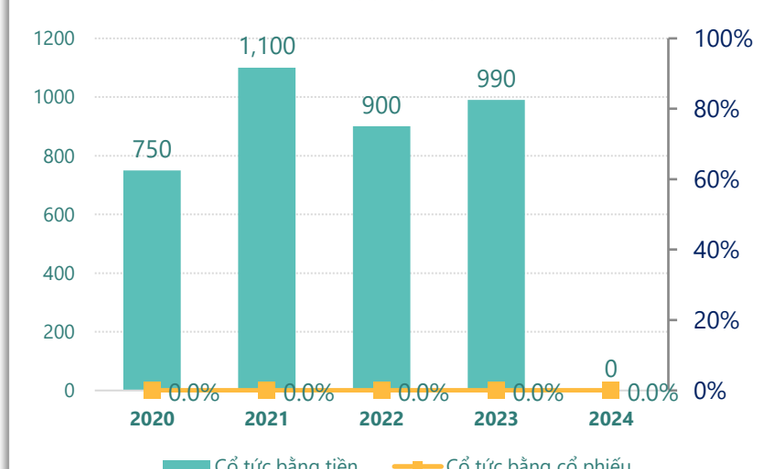
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

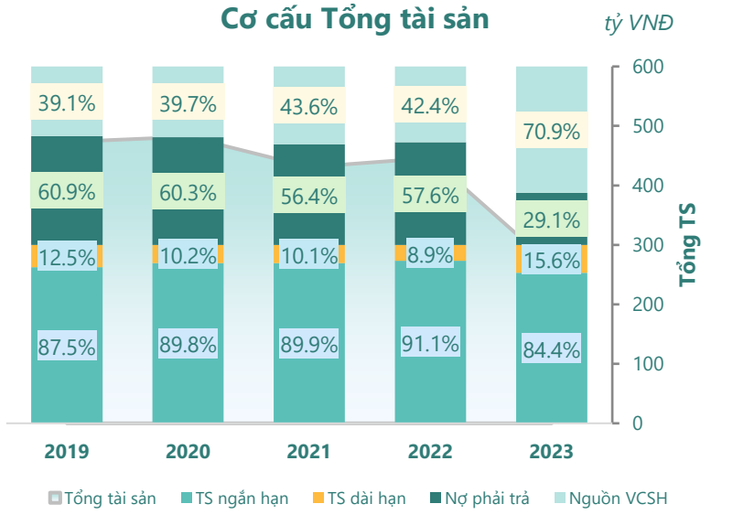
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

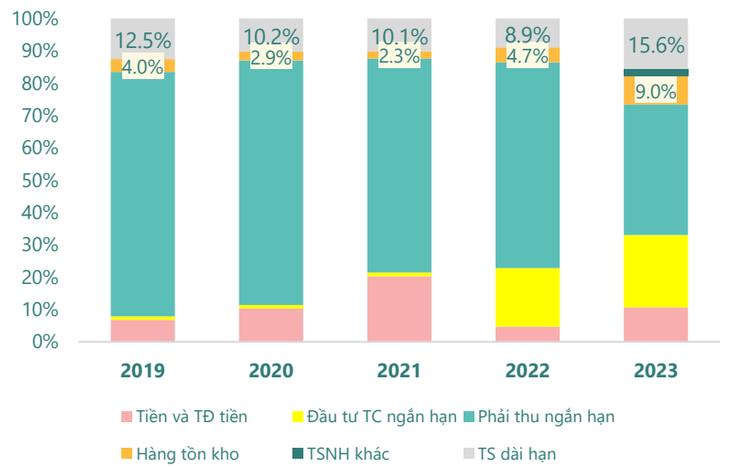
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



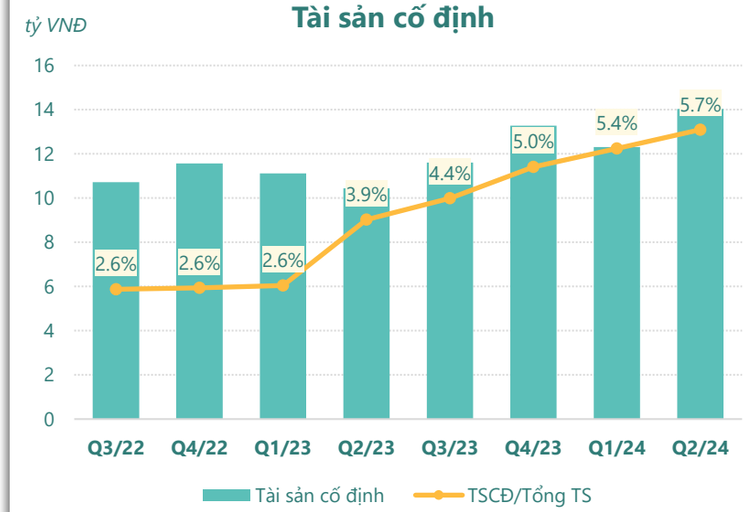
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



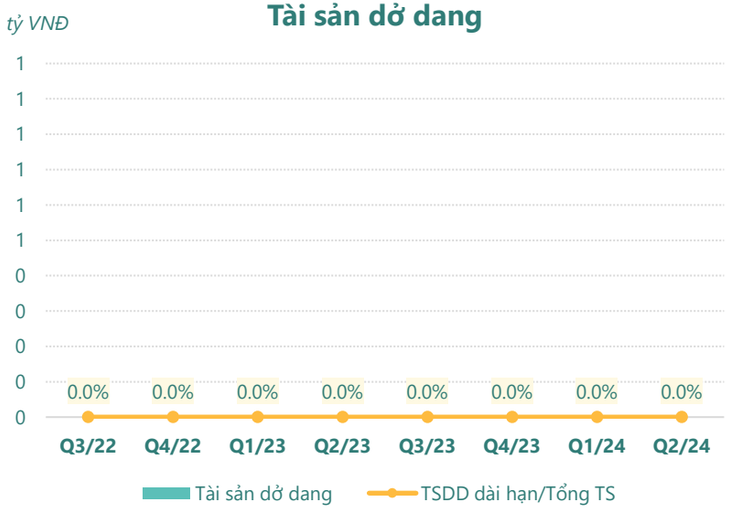
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



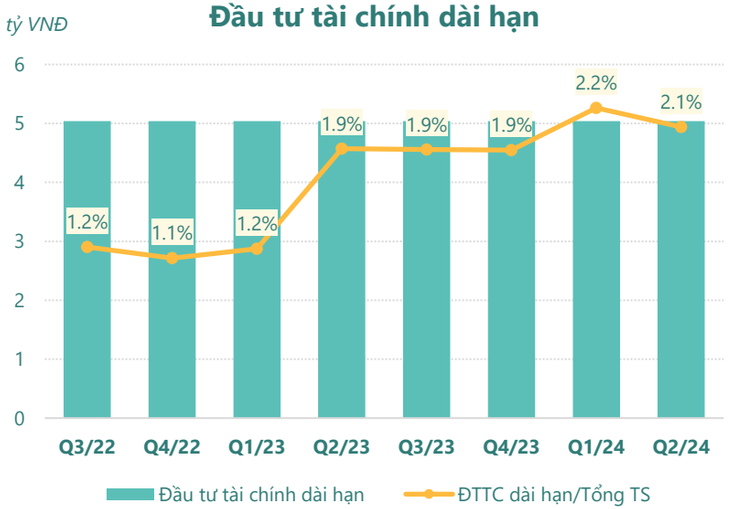
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



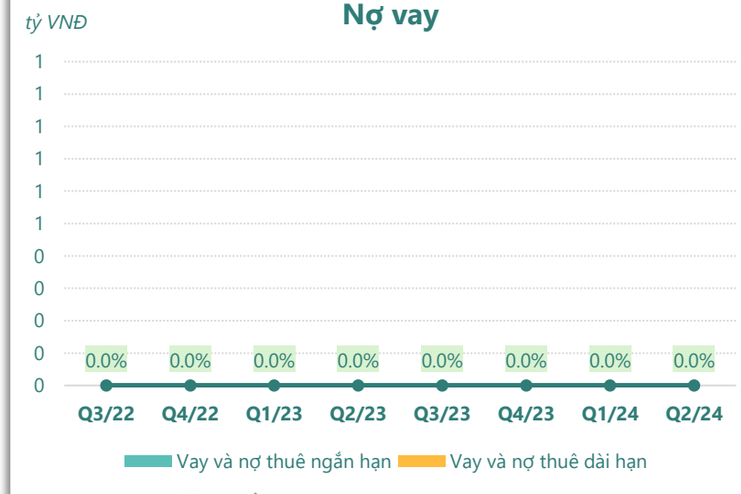
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

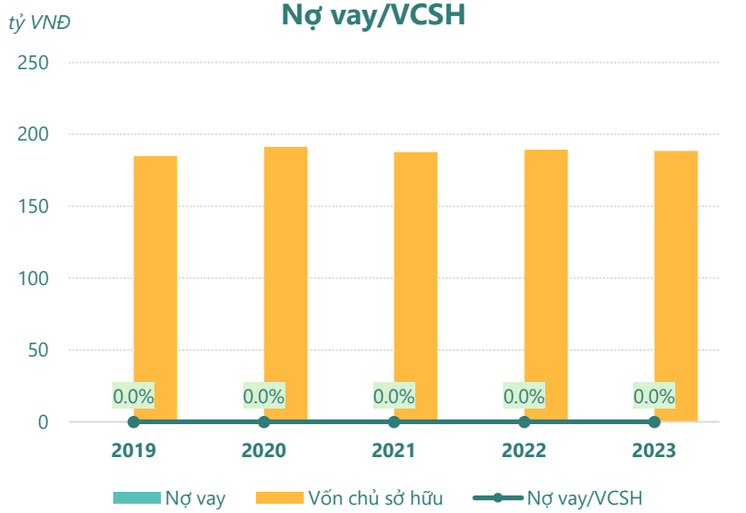
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



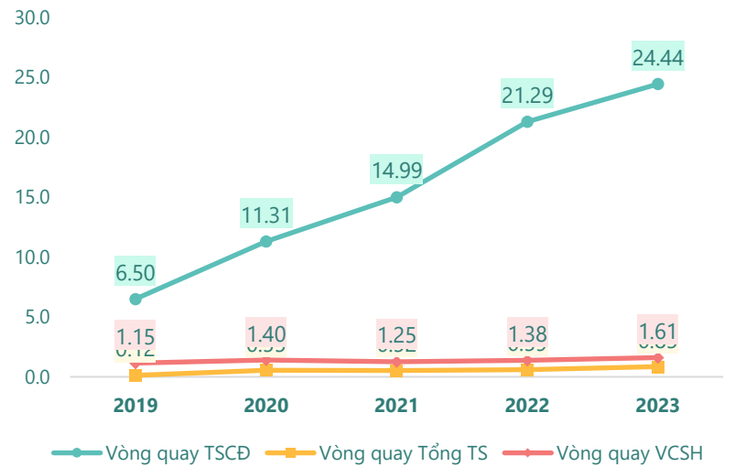
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



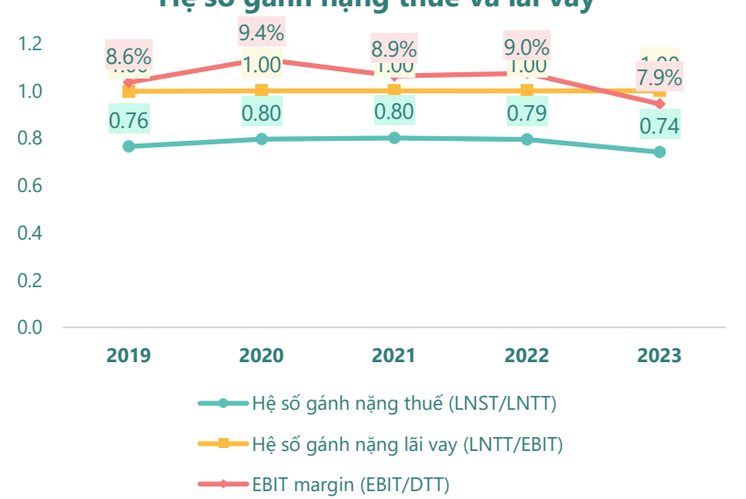
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



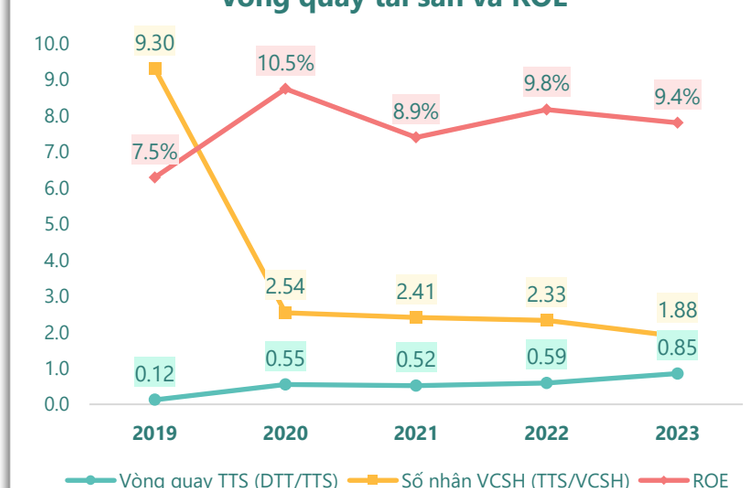
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



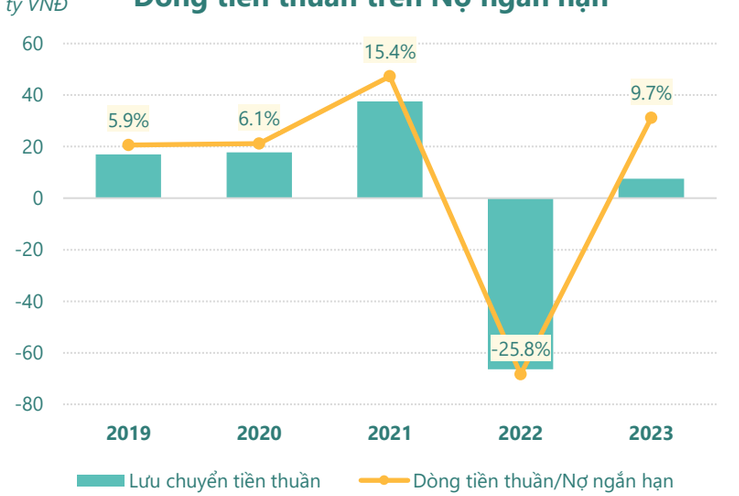
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**86.1**	**78.5**	**9.7%**	**147**	**123**	**20.1%**
Giá vốn hàng bán	73.2	64.0	14.4%	121	94.4	28.3%
Lợi nhuận gộp	12.9	14.5	-11.4%	26.1	28.2	-7.4%
Doanh thu HĐTC	0.89	2.27	-60.9%	1.68	2.82	-40.5%
Chi phí TC	0	0.02	-100%	0	0.02	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**9.81**	**10.7**	**-8.3%**	**16.9**	**20.1**	**-15.6%**
LN thuần từ HĐKD	3.94	6.06	-35.1%	10.9	10.9	-0.7%
Lợi nhuận khác	**-0.03**	**0.27**	**-111%**	**-0.03**	**0.27**	**-113%**
LN trước thuế	3.91	6.33	-38.3%	10.8	11.2	-3.4%
Lợi nhuận sau thuế	**3.11**	**5.05**	**-38.5%**	**8.63**	**8.94**	**-3.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.11**	**5.05**	**-38.5%**	**8.63**	**8.94**	**-3.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.17	-0.67	18.0	-23.8	18.0	-0.36
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.08	-8.85	2.85	26.5	-11.5	-6.56
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-0.04	-0.01	-14.7	0.00	0.00
Tiền đầu kỳ	20.9	29.2	19.6	40.4	28.4	34.9
Lưu chuyển tiền thuần	**8.24**	**-9.55**	**20.8**	**-12.0**	**6.51**	**-6.92**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	29.2	19.6	40.4	28.4	34.9	28.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**245**	**266**	**-7.9%**
Tài sản ngắn hạn	203	224	-9.6%
Tiền và tương đương tiền	28.0	28.4	-1.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	78.3	59.5	31.6%
Phải thu ngắn hạn	86.9	107	-19.1%
Hàng tồn kho	8.06	23.9	-66.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.62	5.25	-69.1%
Tài sản dài hạn	**42.1**	**41.5**	**1.3%**
Phải thu dài hạn	0.04	0.04	0.0%
Tài sản cố định	14.0	13.3	5.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	5.04	5.04	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**23.0**	**23.2**	**-0.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	65.5	77.5	-15.5%
Nợ ngắn hạn	**65.5**	**77.5**	**-15.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	15.4	28.4	-45.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**179**	**188**	**-4.8%**
Vốn chủ sở hữu	**179**	**188**	**-4.8%**
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)